

Số: **64** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **24** tháng **01** năm **2011**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN-TC ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BNN-TC ngày 20/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v giao dự toán NSNN năm 2011 (lần 1) cho các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi NSNN năm 2011 cho **Tổng cục Thủy sản**(chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2011 được giao, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp II giao dự toán NSNN cho các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TC.

**TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Phan Ngọc Thủy

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2011

(Kèm theo Quyết định số 64/2011/QĐ - BNN - TC ngày 24 /01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông

linh nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: Tổng cục Thủy sản

Mã số dự toán ngân sách: 1103718

Thị trấn Bạc Nhà nước Ba Đình



Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
I	DỰ TOÁN THU NSNN		
1	Số thu phí lệ phí	715.000	
2	Số chi từ phí lệ phí	644.000	
3	Số nộp NSNN	72.000	
II	DỰ TOÁN CHI NSNN (1+2+3+4)	101.275.000	
1	Chi Sự nghiệp kinh tế thủy sản (Loại 010-023)	49.343.000	Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo
1.1	Kinh phí thường xuyên	3.027.000	
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	15.000	
	- Kinh phí trích nộp quỹ thi đua khen thưởng chung của Bộ theo Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TC ngày 11/10/2010	6.989	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	46.316.000	
2	Chi nghiên cứu khoa học (Loại 370 - 371)	4.397.000	
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.297.000	
	Trong đó kinh phí khoán chi		
1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên		
1.3	Kinh phí không thường xuyên	1.100.000	
3	Chi quản lý hành chính (Loại 460-463)	17.335.000	Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo
3.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	7.177.000	
	Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	590.000	
	- Kinh phí trích nộp quỹ thi đua khen thưởng chung của Bộ theo Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TC ngày 11/10/2010	17.585	
3.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	10.158.000	
	Trong đó: Thu hồi ứng trước dự toán 2011	500.000	
4	Chi Sự nghiệp môi trường (Loại 280-281)	30.200.000	
4.1	Kinh phí thường xuyên		
4.2	Kinh phí không thường xuyên	30.200.000	

PHỤ LỤC 01



CHI TIẾT THEO NỘI DUNG

(Kèm theo Quyết định **64** ngày **24** tháng **01** năm **2011** của Bộ trưởng Bộ **PT nông thôn**)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Chưa phân bổ	Phân bổ đợt 1
A	B	1	2=1-3	3
	Tổng cộng	59.443	10.100	49.343
I	Chi thường xuyên	3.027	0	3.027
II	Chi không thường xuyên	56.416	10.100	46.316
1	Thực hiện đề án tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển và hải đảo	1.200	0	1.200
2	Chi hoạt động thực hiện quy định của EU về khai thác thủy sản	1.000	0	1.000
3	Tổ chức kiểm tra giám sát cơ sở nuôi trồng thủy sản, chất lượng thức ăn, nguyên liệu chế biến thức ăn và chất phụ gia, tổ chức chỉ đạo phòng, trừ bệnh thủy sản	1.500	0	1.500
4	Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn	1.000	0	1.000
5	Mua ô tô cho Trung tâm Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản	720	0	720
6	Chi hoạt động kiểm tra giám sát trên biển (chi phí hoạt động 02 tàu kiểm ngư và kinh phí phối hợp tuần tra chung)	13.000	0	13.000
7	Triển khai chỉ thị 689/CT-TTg một số biện pháp ngăn chặn giảm thiểu tình trạng tàu cá và ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ	1.200	0	1.200
8	Triển khai Nghị định 32, 33, quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển Việt Nam và của tổ chức cá nhân Việt Nam trên các vùng biển.	800	0	800
9	Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn biển theo Quyết định 742/QĐ-TTg	600	0	600
10	Chi thực hiện QĐ số 118/2008/QĐ-TTg	3.000	0	3.000
11	Chi làm việc với UBLH nghề cá VN-TQ	500	0	500
12	Kinh phí duy trì mạng Lan, xây dựng ngân hàng dữ liệu, tuyên truyền, bản tin về PCLBTKCN và quy định của UBCA...	300	0	300

PHỤ LỤC 02

CHI TIẾT THEO NỘI DUNG

(Kèm theo Quyết định số 64/2011/QĐ-TC ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PT nông thôn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Số chưa phân bổ	Số phân bổ đợt 1/ 2011
A	B	1	2=1-3	3
	Tổng cộng	17.335	0	17.335
I	Chi bộ máy	7.177		7.177
II	Chi các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác, bao gồm:	10.158		10.158
1	ISO + CCHC			300
2	Rà soát văn bản QPPL			100
3	Ban chỉ đạo 485			100
4	Ban chỉ đạo cá tra vùng Đồng Bằng sông Cửu long			200
5	Ban chỉ đạo triển khai chiến lược ngành Thủy sản			200
6	Xây dựng đề án kiểm ngư			300
7	Ban quản lý 1497			100
8	Hỗ trợ công tác Thanh tra (tập huấn nghiệp vụ kiểm ngư cho Thanh tra viên chuyên ngành thủy sản và Hội nghị triển khai công tác Thanh tra)			200
9	Triển khai hiệp định nghề cá vịnh Bắc bộ (Chi hoạt động đàm phán với Trung quốc tại Việt nam và Trung quốc và tập huấn phổ biến Hiệp định, tổng kết triển khai...)			2.000
10	Chi thị 01/1998/CT-TTg về cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản			600
11	Chi thị 22/2006/CT-TTg về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn cho hoạt động đánh bắt hải sản trên vùng biển, đặc biệt là đánh bắt xa bờ			500
12	Chi đàm phán ký kết Hiệp định nghề cá với các nước trong khu vực (Indonexia, Malayxia, Philiphine...) và Quốc tế			700
13	Đàm phán ký kết Hiệp định với Trung Quốc đối với vùng dàn xếp quá độ (giai đoạn 2)			500
14	Đàm phán ra nhập ủy ban nghề cá Trung và Tây Thái Bình Dương			270
15	Hội nghị nghề cá Bắc - nam			200
16	Mua ô tô hai cầu, cố định kinh phí là: 1.040 trđ			1.040
17	Mua sắm tài sản TSCĐ và sửa chữa TSCĐ (thu hồi ứng trước kinh phí 500 trđ sửa chữa lớn tài sản Văn phòng Tổng cục năm 2010)			1.848
18	Đoàn ra, đoàn vào			1.000